

Những điểm chung giữa vi phạm hành chính với tội phạm và vấn đề hoàn thiện khái niệm tội phạm trong Bộ luật hình sự Việt Nam

Trịnh Tiến Việt*, Trần Thu Hạnh

*Khoa Luật, Đại học Quốc gia Hà Nội,
144 Xuân Thủy, Hà Nội, Việt Nam*

Nhận ngày 15 tháng 4 năm 2012

Tóm tắt. Bài viết phân tích những điểm chung giữa vi phạm hành chính với tội phạm, đồng thời chỉ ra một số hạn chế trong khái niệm tội phạm của Bộ luật hình sự, từ đó đề xuất những kiến nghị hoàn thiện khái niệm tội phạm, bảo đảm ranh giới xử lý rõ ràng giữa tội phạm và vi phạm hành chính.

1. Đặt vấn đề

Vi phạm pháp luật hiện nay xảy ra trên nhiều lĩnh vực: hành chính, dân sự, hình sự, kinh tế, lao động, môi trường... Theo đó, việc phân biệt giữa các loại vi phạm pháp luật dựa vào những *đặc điểm* và *các yếu tố cấu thành* của từng loại vi phạm. Trong các loại vi phạm pháp luật này thì vi phạm hành chính và tội phạm là *hai dạng phổ biến nhất* của vi phạm pháp luật, giữa chúng có mối liên hệ chặt chẽ và hữu cơ với nhau, cũng như phản ánh mức độ nguy hiểm cho xã hội khác nhau.

Luật hành chính và Luật hình sự Việt Nam quy định về vi phạm hành chính và tội phạm. Mặc dù là *hai loại vi phạm pháp luật khác nhau*, nhưng vẫn có những điểm chung. Việc nghiên cứu những điểm chung của hai loại vi phạm này có ý nghĩa chính trị, xã hội và pháp lý quan trọng trong việc xây dựng pháp luật, hoàn thiện pháp luật, cũng như góp phần nâng cao hiệu

quả xử lý vi phạm hành chính và tội phạm, qua đó tôn trọng và bảo vệ các lợi ích của Nhà nước, của xã hội và của công dân.

2. Những điểm chung giữa vi phạm hành chính và tội phạm

Qua nghiên cứu lý luận, thực tiễn và các văn bản pháp lý hành chính và hình sự hiện hành, dưới góc độ chung, chúng tôi nhận thấy vi phạm hành chính và tội phạm có **bốn** điểm chung cơ bản sau đây:

2.1. Vi phạm hành chính và tội phạm đều là vi phạm pháp luật

Cơ sở của vi phạm pháp luật là *hành vi trái pháp luật của các chủ thể*. Nguyên nhân chủ yếu của vi phạm pháp luật là sự mâu thuẫn giữa yêu cầu của quy phạm pháp luật do nhà nước đặt ra với lợi ích của người vi phạm, tức chủ thể của hành vi. Mâu thuẫn đó mang tính chất xã hội, bởi vì cả qui phạm pháp luật và chủ thể hành vi đều có tính xã hội.

* Tác giả liên hệ. ĐT: 84-4-37547512.
E-mail: viet180411@yahoo.com

Các hành vi vi phạm pháp luật tuy có thể khác nhau về mức độ vi phạm và mức độ của hậu quả do hành vi gây ra, nhưng chúng có điểm chung nhất đó là tính chất xã hội - là những thiệt hại, tổn thất về những mặt khác nhau đối với lợi ích của giai cấp, nhóm xã hội nói riêng và của cả xã hội nói chung. Xuất phát từ những lợi ích của mình mà Nhà nước đã định ra những qui phạm pháp luật.

Cơ sở của vi phạm pháp luật là hành vi trái pháp luật, xâm hại tới các quan hệ xã hội được pháp luật bảo vệ. Song nếu chỉ dừng lại ở đó thì chưa phản ánh đầy đủ được khái niệm vi phạm pháp luật, bởi không phải bất cứ hành vi trái pháp luật nào cũng là hành vi vi phạm pháp luật mà chỉ những hành vi trái pháp luật được chủ thể có đầy đủ năng lực pháp luật và năng lực hành vi thực hiện một cách cố ý hoặc vô ý mới là hành vi vi phạm pháp luật. Dưới góc độ khoa học, khái niệm vi phạm hành chính được hiểu như sau: *Vi phạm hành chính là hành vi do cá nhân hay tổ chức thực hiện một cách cố ý hoặc vô ý, xâm phạm tới các quy tắc quản lý Nhà nước, làm mất trật tự, ổn định đối với các quan hệ xã hội trong các lĩnh vực trật tự nhà nước và xã hội; sở hữu toàn dân, sở hữu tập thể, sở hữu tư nhân; quyền, tự do, lợi ích hợp pháp của công dân, trật tự quản lý nhà nước và xã hội, chưa đến mức truy cứu trách nhiệm hình sự và phải chịu xử phạt vi phạm hành chính* [1].

Như vậy, từ định nghĩa khoa học này cho thấy vi phạm hành chính có các đặc điểm (dấu hiệu) cơ bản sau:

- 1) Vi phạm hành chính là hành vi thể hiện bằng hành động hoặc không hành động;
- 2) Vi phạm hành chính là hành vi được quy định trong pháp luật hành chính;
- 3) Vi phạm hành chính là hành vi do chủ thể thực hiện một cách cố lỗi (cố ý hoặc vô ý);
- 4) Vi phạm hành chính xâm phạm đến các khách thể được pháp luật hành chính bảo vệ;
- 5) Vi phạm hành chính là hành vi mà theo quy định của pháp luật phải bị xử phạt hành chính, tức là bị áp dụng chế tài theo quy định

của luật hành chính. Đây là một đặc điểm riêng có của vi phạm hành chính.

Pháp luật hành chính không quy định một hành vi thực tế là hành vi vi phạm hành chính thì người thực hiện hành vi đó không thể bị xử phạt hành chính. Hay nói cách khác, một vi phạm nào đó xét về hình thức tuy có đầy đủ dấu hiệu của vi phạm hành chính nhưng pháp luật hành chính chưa quy định đó là hành vi vi phạm hành chính thì về mặt pháp lý nó chưa phải là vi phạm hành chính.

Dấu hiệu bắt buộc trên có ý nghĩa thực tiễn, nó đòi hỏi người có quyền xử lý vi phạm hành chính chỉ được căn cứ vào quy định của pháp luật, không được áp dụng theo nguyên tắc tương tự. Có như vậy mới tránh được sự xử lý tùy tiện, bảo đảm pháp chế. Bởi lẽ, pháp chế có mối quan hệ chặt chẽ với pháp luật, với bình đẳng và với sự tuân thủ luật pháp, không một ai, không một người nào có bất kỳ một đặc quyền nào trước pháp luật...” [2]. Đến lượt mình, pháp chế đòi hỏi chỉ và phải dựa vào một căn cứ quan trọng nhất đó là các quy định của pháp luật để xử lý người vi phạm pháp luật hay phạm tội một cách công minh, có căn cứ và đúng pháp luật.

Tóm lại, vi phạm hành chính là hành vi phải hội đủ các dấu hiệu cơ bản kể trên, thiếu một trong những dấu hiệu đó thì chưa thể nói tới vi phạm hành chính.

Đối với tội phạm, mỗi hành vi vi phạm pháp luật hình sự đều được quy định trong Bộ luật hình sự. Khái niệm tội phạm được quy định trong Điều 8 Bộ luật hình sự năm 1999. Theo đó, *“Tội phạm là hành vi nguy hiểm cho xã hội được quy định trong Bộ luật hình sự, do người có năng lực trách nhiệm hình sự thực hiện một cách cố ý hoặc vô ý, xâm phạm độc lập, chủ quyền, thống nhất, toàn vẹn lãnh thổ của Tổ quốc, xâm phạm chế độ chính trị, chế độ kinh tế, nền văn hóa, quốc phòng, an ninh, trật tự, an toàn xã hội, quyền và lợi ích hợp pháp của tổ chức, xâm phạm tính mạng, sức khỏe, danh dự, nhân phẩm, tự do tài sản, các quyền, lợi ích hợp pháp khác của công dân, xâm phạm những lĩnh vực khác của trật tự pháp luật xã hội chủ*

nghĩa". Theo khái niệm này, tội phạm được đưa ra với đầy đủ các đặc điểm (dấu hiệu) của nó là:

- 1) Tội phạm là hành vi nguy hiểm cho xã hội;
- 2) Tội phạm được quy định trong Bộ luật hình sự;
- 3) Tội phạm do người có năng lực trách nhiệm hình sự và đủ tuổi chịu trách nhiệm hình sự thực hiện (*mặc dù dấu hiệu độ tuổi chịu trách nhiệm hình sự chưa được quy định trong khái niệm tội phạm*);
- 4) Tội phạm do chủ thể thực hiện một cách có lỗi (cố ý hoặc vô ý);
- 5) Tội phạm xâm phạm đến các quan hệ xã hội được Bộ luật hình sự bảo vệ.

Như vậy, định nghĩa tại khoản 1 Điều 8 Bộ luật hình sự Việt Nam xác định tội phạm theo khái niệm đầy đủ. Tội phạm được quy định là hành vi nguy hiểm cho xã hội, tức hành vi gây thiệt hại hoặc có nguy cơ gây thiệt hại (tức là xâm hại) cho các quan hệ xã hội nhất định. Hơn nữa, tính nguy hiểm của hành vi mang tính xã hội hay không luôn luôn phải được xem trong trạng thái động của nó, tùy theo sự biến đổi của cơ sở kinh tế - xã hội. Bởi vì, một hành vi có thể trong giai đoạn phát triển xã hội này là nguy hiểm nhưng ở giai đoạn khác thì ngược lại. Việc đánh giá hành vi này hay hành vi khác có nguy hiểm hay không, có phải là tội phạm hay không, được thực hiện bằng hai quá trình song song: tội phạm hóa và phi tội phạm hóa bằng cách sửa đổi, bổ sung Bộ luật hình sự.

Tóm lại, xuất phát từ cơ sở đều là các dạng khác nhau của vi phạm pháp luật, vi phạm hành chính và tội phạm có những điểm chung sau:

- 1) Vi phạm hành chính và tội phạm đều là hành vi, nó chỉ được thực hiện bởi hành vi của con người. Suy nghĩ, tư tưởng khi chưa thể hiện thành hành vi thì dù xấu đến đâu cũng chưa phải là vi phạm pháp luật nói chung, vi phạm hành chính và tội phạm nói riêng;
- 2) Vi phạm hành chính và tội phạm đều là hành vi được quy định trong pháp luật. Đã là hành vi được quy định trong pháp luật thì dù là vi phạm hành chính hay tội phạm đều là hành vi

nguy hiểm cho xã hội. Sự khác nhau cơ bản giữa chúng chỉ là ở *mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi*;

3) Vi phạm hành chính và tội phạm đều được thực hiện bởi hành vi có lỗi (cố ý hoặc vô ý) của các chủ thể;

4) Vi phạm hành chính và tội phạm đều là những hành vi nguy hiểm cho xã hội được pháp luật quy định chặt chẽ bởi cơ quan nhà nước có thẩm quyền (vi phạm hành chính và tội phạm khác với các vi phạm đạo đức và vi phạm tôn giáo ở chỗ vi phạm đạo đức và vi phạm tôn giáo không được pháp luật quy định). Chủ thể thực hiện vi phạm hành chính và tội phạm đều bị áp dụng các biện pháp cưỡng chế nhà nước, việc áp dụng các biện pháp cưỡng chế đều dựa trên cơ sở, trình tự do pháp luật quy định;

5) Những vi phạm hành chính và tội phạm được thực hiện trong điều kiện (tình huống): phòng vệ chính đáng, tình thế cấp thiết và sự kiện bất ngờ, theo quy định của pháp luật hành chính và hình sự, đều không bị truy cứu trách nhiệm pháp lý đối với những người thực hiện hành vi vi phạm đó.

2.2. Vi phạm hành chính và tội phạm có những khách thể chung

Giữa vi phạm hành chính và tội phạm giống nhau ở chỗ có những khách thể chung. Khách thể vi phạm pháp luật là những quan hệ xã hội được pháp luật điều chỉnh và bảo vệ. Điều đó có nghĩa chỉ có những quan hệ xã hội được pháp luật bảo vệ mới là khách thể của vi phạm pháp luật, không được quy phạm pháp luật điều chỉnh thì quan hệ xã hội tương ứng không thể trở thành khách thể của vi phạm pháp luật.

Những quan hệ xã hội được pháp luật hành chính bảo vệ nhưng bị xâm phạm tới, gây ra thiệt hại hoặc đe dọa gây ra thiệt hại là khách thể của vi phạm hành chính. Những quan hệ xã hội đó không chỉ là quan hệ hành chính mà còn nhiều quan hệ pháp luật thuộc ngành luật khác bảo vệ nhưng vẫn bị xử lý hành chính. Nói một cách khái quát hơn, khách thể của vi phạm hành

chính là cái mà vi phạm hành chính xâm hại tới, là cái mà pháp luật hướng tới để bảo vệ khỏi sự xâm phạm. Cái đó là những quan hệ xã hội khách quan chứ không phải là các quy tắc được đặt ra.

Vi phạm hành chính diễn ra ở mọi lĩnh vực của đời sống xã hội, cho nên khách thể của vi phạm hành chính rất đa dạng, phức tạp, được quy định trong rất nhiều văn bản pháp luật. Khách thể đó là các quan hệ xã hội trong các lĩnh vực: An ninh quốc gia, trật tự nhà nước và xã hội, sở hữu nhà nước, sở hữu tập thể, sở hữu cá nhân, sức khỏe, danh dự, nhân phẩm, tự do, các quyền và lợi ích hợp pháp của công dân và những lĩnh vực khác của trật tự quản lý nhà nước. Ví dụ: các quan hệ xã hội trong lĩnh vực bảo vệ an toàn giao thông đường bộ, đường thủy, đường sắt, đường hàng không; bảo vệ môi trường, tài nguyên, thiên nhiên, khoáng sản; bảo vệ sức khỏe của con người tránh các bệnh truyền nhiễm từ người, động vật, thực vật; trong kinh doanh như phòng chống buôn lậu, làm hàng giả, kinh doanh trái phép, sử dụng nhãn hiệu hàng giả; v.v...

Như vậy, không phải mọi quan hệ xã hội đều có thể là khách thể của vi phạm hành chính, mà chỉ những quan hệ xã hội nào được pháp luật hành chính bảo vệ bằng các biện pháp trách nhiệm hành chính. Những quan hệ xã hội nào không được luật hành chính bảo vệ thì không trở thành khách thể của vi phạm hành chính mà có thể là khách thể của tội phạm hoặc vi phạm pháp luật khác.

Nhà nước xã hội chủ nghĩa ban hành luật hình sự nhằm bảo vệ những quan hệ xã hội có ý nghĩa quan trọng đối với sự tồn tại và phát triển của chế độ xã hội chủ nghĩa, quyền và lợi ích hợp pháp của công dân và trật tự xã hội. Những quan hệ xã hội được Nhà nước xác định bảo vệ bằng các quy phạm pháp luật hình sự là khách thể của tội phạm.

Những hành vi nhất định của con người bị Nhà nước coi là tội phạm vì chúng gây ra thiệt hại hoặc đe dọa gây thiệt hại đáng kể cho các quan hệ xã hội được luật hình sự bảo vệ. Một

quan hệ xã hội nào đó bị xâm hại nhưng không được nhà nước xác định bảo vệ bằng các quy phạm pháp luật hình sự thì không phải là khách thể của tội phạm và hành vi xâm hại nó không bị coi là tội phạm.

Khách thể của tội phạm là yếu tố không tách rời của tội phạm, tội phạm bao giờ cũng xâm hại đến một loại hoặc một số quan hệ xã hội được Nhà nước xác định bảo vệ bằng luật hình sự. Khái niệm khách thể của tội phạm chỉ rõ bản chất giai cấp của Luật hình sự, bất cứ nhà nước nào cũng sử dụng luật hình sự để bảo vệ những quan hệ xã hội phù hợp với lợi ích và nền thống trị của giai cấp cầm quyền, những hành vi xâm hại đến các quan hệ ấy bị nhà nước tuyên bố là tội phạm. Khách thể của tội phạm còn là một căn cứ phân biệt tội phạm với những hành vi không phải là tội phạm.

Nghiên cứu khách thể của tội phạm chúng ta nhận thức đầy đủ và sâu sắc nhiệm vụ của luật hình sự, bản chất của tội phạm. Trong Phần các tội phạm của Bộ luật hình sự, khách thể của tội phạm còn là căn cứ quan trọng nhất để phân loại tội phạm, hệ thống các quy phạm quy định các tội phạm thành các chương, mục khác nhau.

Như vậy, khách thể của vi phạm hành chính và tội phạm được các văn bản pháp luật hành chính và hình sự quy định một cách cụ thể và chặt chẽ. Đề cập đến khách thể của vi phạm hành chính và tội phạm là chúng ta nói đến các quan hệ xã hội được hai ngành luật hành chính và luật hình sự bảo vệ. Bên cạnh, những khách thể đặc thù giữa vi phạm hành chính và tội phạm còn có những khách thể chung, khách thể chung cũng là một tiêu chí chứng tỏ sự giống nhau của hai loại vi phạm.

Từ nhận thức chung về khách thể của vi phạm hành chính và tội phạm. Trên cơ sở những quy định của pháp luật hành chính và luật hình sự chúng ta có thể nhận thấy rằng, giữa vi phạm hành chính và tội phạm có những khách thể chung. Chẳng hạn, an ninh quốc gia, chế độ kinh tế, sở hữu, tính mạng, tự do, danh dự, nhân phẩm, trật tự quản lý Nhà nước và xã hội... đều là khách thể chung của vi phạm hành

chính và tội phạm. Chính vì điều đó, trong hoạt động áp dụng pháp luật, để xác định một hành vi vi phạm pháp luật có chung cùng một khách thể là vi phạm hành chính hay tội phạm, thì trước hết, phải căn cứ vào mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi, cũng như các dấu hiệu khác để có cơ sở áp dụng chính xác và đúng “phạm vi” của ngành luật cần điều chỉnh.

2.3. Về chủ thể thực hiện hành vi vi phạm hành chính và tội phạm

Chủ thể của vi phạm hành chính và tội phạm có thể cùng là cá nhân thực hiện vi phạm pháp luật. Hành vi trái pháp luật có lỗi mới là vi phạm pháp luật, vì vậy, chủ thể của vi phạm pháp luật phải là người có năng lực hành vi. Năng lực hành vi là khả năng của chủ thể, khả năng này được nhà nước thừa nhận, bằng các hành vi của mình thực hiện trên thực tế các quyền chủ thể và nghĩa vụ pháp lý, tức là tham gia vào các quan hệ pháp luật [3]. Năng lực hành vi trách nhiệm pháp lý của con người phụ thuộc vào độ tuổi, tình trạng sức khỏe (có bị bệnh làm mất hoặc hạn chế khả năng nhận thức về hành vi của mình hay không) và tùy theo từng loại trách nhiệm pháp lý mà được pháp luật qui định cụ thể. Theo quy định của pháp luật hành chính và hình sự nước ta, chủ thể vi phạm hành chính và tội phạm đều phải đạt độ tuổi từ đủ 14 tuổi trở lên mà trí tuệ phát triển bình thường.

Theo quy định tại Điều 6 và Điều 7 của Pháp lệnh xử lý vi phạm hành chính năm 2002 (đã được sửa đổi, bổ sung năm 2007, 2008), theo đó, điểm a khoản 1 Điều 6 quy định: “Người từ đủ 14 tuổi đến dưới 16 tuổi bị xử phạt hành chính về vi phạm hành chính do cố ý; người từ đủ 16 tuổi trở lên bị xử phạt hành chính về mọi vi phạm hành chính do mình gây ra”. Còn Điều 7 quy định việc xử lý người chưa thành niên vi phạm hành chính theo các nội dung - Người từ đủ 14 tuổi đến dưới 16 tuổi vi phạm hành chính thì bị phạt cảnh cáo. Người từ đủ 16 tuổi đến dưới 18 tuổi vi phạm hành chính thì có thể bị áp dụng hình thức xử phạt vi phạm

hành chính quy định tại Điều 12 của Pháp lệnh này. Khi phạt tiền đối với họ thì mức tiền phạt không được quá một phần hai mức phạt đối với người thành niên; trong trường hợp họ không có tiền nộp phạt thì cha mẹ hoặc người giám hộ phải nộp thay. Trường hợp người chưa thành niên có hành vi vi phạm pháp luật được quy định tại khoản 2 Điều 23, khoản 2 Điều 24, điểm b khoản 2 Điều 26 Pháp lệnh này thì bị xử lý theo quy định tại các điều khoản đó. Ngoài ra, nếu người chưa thành niên vi phạm hành chính gây thiệt hại thì phải bồi thường theo quy định của pháp luật.

Tương tự như vậy, Bộ luật hình sự năm 1999 cũng quy định về độ tuổi chịu trách nhiệm hình sự tại Điều 12 như sau:

“1. Người từ đủ 16 tuổi trở lên phải chịu trách nhiệm hình sự về mọi tội phạm.

2. Người từ đủ 14 tuổi trở lên, nhưng chưa đủ 16 tuổi phải chịu trách nhiệm hình sự về tội phạm rất nghiêm trọng do cố ý hoặc tội phạm đặc biệt nghiêm trọng”.

Từ những vấn đề trình bày ở trên, chúng ta có thể nhận thấy chủ thể - cá nhân vi phạm hành chính và tội phạm có chung độ tuổi chịu trách nhiệm về hành vi do mình gây ra. Việc quy định độ tuổi chịu trách nhiệm hành chính và hình sự thể hiện chính sách hành chính và hình sự nhân đạo của Nhà nước ta đối với người phạm tội ở tuổi chưa thành niên, những điều kiện chính trị, kinh tế - văn hóa, lịch sử - truyền thống, các đặc điểm tâm - sinh lý, thể chất, cũng như tình trạng vi phạm và phạm tội của người chưa thành niên ở nước ta.

2.4. Về quan hệ trách nhiệm

Đây không phải là điểm chung của vi phạm hành chính và tội phạm, mà là điểm chung của trách nhiệm hành chính và trách nhiệm hình sự, nhưng có liên quan mật thiết đến điểm chung giữa vi phạm hành chính và tội phạm, nên cũng được xem xét.

Nghiên cứu về trách nhiệm hành chính và trách nhiệm hình sự, chúng ta thấy rằng chủ thể

thực hiện vi phạm hành chính hoặc tội phạm phải chịu trách nhiệm trước nhà nước chứ không phải trước phía bên kia như trong vi phạm dân sự, lao động, kinh tế...

Trách nhiệm hành chính và trách nhiệm hình sự đều là sự áp dụng chế tài của nhà nước đối với người vi phạm. Việc xử lý vi phạm hành chính và tội phạm có điểm nổi bật ở chỗ giữa người xử lý và người bị xử lý không có quan hệ trực thuộc về mặt công vụ, chẳng hạn giữa người đi xe máy vào đường ngược chiều với chiến sĩ cảnh sát giao thông giải quyết vụ việc vi phạm trên; hoặc giữa thẩm phán chủ tọa phiên tòa với bị cáo phạm tội giết người, không có quan hệ trực thuộc. Vi phạm hành chính và tội phạm không giống với vi phạm kỷ luật ở chỗ giữa người vi phạm kỷ luật và người xử lý vi phạm có quan hệ trực thuộc về mặt công vụ, ví dụ giữa Hiệu trưởng trường đại học với giáo viên của trường thực hiện vi phạm kỷ luật có quan hệ trực thuộc về công vụ.

Trách nhiệm hành chính và trách nhiệm hình sự đều không áp dụng đồng thời với nhau đối với cùng một hành vi vi phạm. Điều đó có nghĩa một người thực hiện một hành vi vi phạm hành chính hoặc tội phạm, thì người có thẩm quyền xử lý vi phạm chỉ có quyền áp dụng một trong hai hình thức trách nhiệm pháp lý hoặc là hành chính hoặc là hình sự mà thôi. Nhưng cả kèm theo trách nhiệm hành chính hoặc trách nhiệm dân sự, hoặc trách nhiệm kỷ luật và trách nhiệm vật chất.

Đây cũng là nét chung độc đáo của hai dạng trách nhiệm hành chính và trách nhiệm hình sự. Chúng được áp dụng độc lập với nhau, loại trừ nhau để đảm bảo một nguyên tắc nhân đạo và pháp chế của pháp luật: *Một hành vi vi phạm chỉ có thể bị xử phạt một lần*. Đối với việc áp dụng kèm theo các trách nhiệm dân sự hoặc trách nhiệm kỷ luật và vật chất, có thể giải thích rằng vì trong trường hợp đó vi phạm hành chính hoặc tội phạm đã gây ra một vi phạm mới trong quan hệ khác: quan hệ dân sự hoặc quan hệ công vụ.

Pháp luật hành chính và hình sự nước ta cũng quy định về thời hiệu xử lý vi phạm hành

chính (Điều 10 Pháp lệnh xử lý vi phạm hành chính năm 2002, đã sửa đổi, bổ sung năm 2007, 2008) và thời hiệu truy cứu trách nhiệm hình sự (Điều 23 Bộ luật hình sự năm 1999). Tuy quy định của pháp luật về thời hiệu xử lý vi phạm hành chính và hình sự có khác nhau, song đều đó cho chúng ta thấy giữa vi phạm hành chính và tội phạm có điểm chung ở chỗ *người thực hiện hành vi vi phạm sẽ không bị truy cứu trách nhiệm pháp lý khi thời hiệu truy cứu đối với mỗi loại vi phạm ấy không còn*.

Tóm lại, vi phạm hành chính và tội phạm là các dạng của vi phạm pháp luật nói chung. Tuy chúng có những nét đặc thù riêng nhưng bên cạnh đó, chúng có những điểm chung nhất định dẫn đến việc phân biệt một số loại vi phạm pháp luật liên quan, đồng thời đến vi phạm hành chính và tội phạm còn hết sức khó khăn đòi hỏi chúng ta phải hoàn thiện pháp luật, trước mắt là hoàn thiện khái niệm tội phạm trong Bộ luật hình sự để có cơ sở pháp lý chặt chẽ làm ranh giới giữa tội phạm với vi phạm hành chính, cũng như trong việc xử lý tội phạm.

3. Vấn đề hoàn thiện khái niệm tội phạm trong Bộ luật hình sự Việt Nam

Khái niệm tội phạm là trung tâm và các khái niệm, phạm trù, chế định khác đều xuất phát từ khái niệm tội phạm. Nghiên cứu về tội phạm là vấn đề cơ bản và quan trọng nhất của luật hình sự Việt Nam, vì tội phạm là đối tượng đấu tranh chống và phòng ngừa của chính sách hình sự của Nhà nước, vì thế, khái niệm tội phạm đã được các nhà làm luật nhiều nước, trong đó có nước ta ghi nhận định nghĩa lập pháp trong Bộ luật hình sự.

Khái niệm tội phạm trong luật hình sự được phản ánh tại Điều 8 Bộ luật hình sự, đặt là cơ sở pháp lý quan trọng và cần thiết để phân biệt tội phạm với các vi phạm hành chính và với hành vi trái đạo đức (nhất là khách thể của vi phạm, mức độ của hành vi vi phạm và chủ thể thực hiện), cũng như với các trường hợp không phải là tội phạm. Nói một cách khác, đúng như các

tác giả Edwin Sutherland và Donald Cressey viết: “Hành vi vi phạm hành chính là hành vi vi phạm pháp luật... Hành vi phạm tội là hành vi vi phạm pháp luật hình sự... Các hành vi này ở các mức độ khác nhau sẽ có chế tài tương ứng của Nhà nước xử lý. Hành vi phạm tội sẽ không là tội phạm và người phạm tội không bị trừng phạt bằng hình phạt của Nhà nước nếu không được luật hình sự quy định...” [4].

Như vậy, từ các nội dung trong Điều 8 Bộ luật hình sự Việt Nam về “*Khái niệm tội phạm*” cho thấy có các vấn đề cần nghiên cứu sửa đổi, bổ sung như sau:

1) Các nhà làm luật cần ghi nhận một đặc điểm (dấu hiệu) nữa cũng rất quan trọng của khái niệm tội phạm, đó là - tội phạm do người đủ tuổi chịu trách nhiệm hình sự thực hiện. Tuy nhiên, hiện nay, còn có ý kiến cho rằng, đặc điểm (dấu hiệu) này không là một đặc điểm độc lập của tội phạm [5] hoặc tội phạm không có đặc điểm (dấu hiệu) này (vì người có năng lực trách nhiệm hình sự là người đạt độ tuổi do pháp luật hình sự quy định, có nghĩa năng lực trách nhiệm hình sự chứa đựng trong đó độ tuổi chịu trách nhiệm hình sự) [6]. Theo đó, mỗi quan điểm nêu trên đều có cách lập luận hợp lý của riêng mình. Song lý do phải quy định bổ sung thêm đặc điểm cơ bản này là ở chỗ - để bảo đảm tính thống nhất và chính xác về mặt khoa học, đồng thời phù hợp với thực tiễn áp dụng, cũng như bao quát xử lý hai trường hợp vẫn tồn tại trong thực tế dưới đây [7]:

a) *Trường hợp thứ nhất*, một người đủ tuổi chịu trách nhiệm hình sự nhưng lại không có năng lực trách nhiệm hình sự. Ví dụ: Một người 20 tuổi (đủ tuổi chịu trách nhiệm hình sự) nhưng do bị tâm thần, bị điên (không có năng lực trách nhiệm hình sự) thực hiện hành vi giết người, hành vi cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác... thì người này không phải chịu trách nhiệm hình sự vì họ không có năng lực trách nhiệm hình sự;

b) *Trường hợp thứ hai*, một người có năng lực trách nhiệm hình sự nhưng lại chưa đủ tuổi chịu trách nhiệm hình sự. Đây là trường hợp mà

Điều 8 Bộ luật hình sự chưa điều chỉnh (mặc dù cũng có ý kiến cho rằng khi một người nào đó đạt đến độ tuổi nhất định thì họ sẽ có năng lực trách nhiệm hình sự, và năng lực trách nhiệm hình sự chứa trong đó (bao hàm) độ tuổi chịu trách nhiệm hình sự). Ví dụ: Một người 15 tuổi thực hiện một tội phạm nghiêm trọng do cố ý hoặc tội phạm rất nghiêm trọng do vô ý. Lẽ dĩ nhiên, lúc này họ đã có năng lực trách nhiệm hình sự nhưng theo quy định của pháp luật thì họ lại chưa đủ tuổi chịu trách nhiệm hình sự. Bởi lẽ, Điều 12 Bộ luật hình sự quy định:

“1. Người từ đủ 16 tuổi trở lên phải chịu trách nhiệm hình sự về mọi tội phạm.

2. Người từ đủ 14 tuổi trở lên, nhưng chưa đủ 16 tuổi phải chịu trách nhiệm hình sự về tội phạm rất nghiêm trọng do cố ý hoặc tội phạm đặc biệt nghiêm trọng”.

2) Tên gọi của Điều 8 là “*Khái niệm tội phạm*” nhưng nội dung này chỉ thể hiện tại khoản 1, trong khi đó, khoản 2-3 lại đề cập đến vấn đề phân loại tội phạm, khoản 4 lại đề cập đến một trường hợp không phải là tội phạm (do tính chất nguy hiểm cho xã hội không đáng kể của hành vi). Như vậy, rõ ràng tên gọi điều luật (Điều 8) chưa bao hàm hết nội dung chứa trong điều luật muốn đề cập đến. Do đó, có thể tách nội dung về tội phạm và phân loại tội phạm ra thành hai điều luật như Bộ luật hình sự Liên bang Nga (các điều 14-15) hoặc nếu gộp chung thì tên gọi phải là “*Khái niệm tội phạm và phân loại tội phạm*”;

3) Khoản 2 Điều 8 Bộ luật hình sự chỉ nêu căn cứ: “tính chất và mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi được quy định trong Bộ luật này...”, trong khi đó, các loại tội phạm không chỉ dựa trên hai căn cứ đó mà còn dựa vào mức cao nhất của khung hình phạt đối với các tội phạm tương ứng đó (chế tài), mà cụ thể là: Đến 3 năm tù; đến 7 năm tù; đến 15 năm tù và; trên 15 năm tù, tù chung thân và tử hình, vì vậy, khoản 2 Điều luật này cần sửa đổi cho chính xác là “*Căn cứ vào tính chất, mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội và mức cao nhất của khung hình phạt đối với tội phạm được quy định trong Bộ luật hình sự...*”;

4) Điều 8 Bộ luật hình sự còn chưa đề cập đến một *khách thể* cũng rất quan trọng trong Chương XXIV - Các tội phá hoại hòa bình, chống loài người và tội phạm chiến tranh (các điều 341-344) là “hòa bình và an ninh của nhân loại” [8]. Do đó, các nhà làm luật nước ta cần ghi nhận bổ sung khách thể đã nêu vào trong nội dung điều luật này cho phù hợp với pháp luật hình sự Việt Nam và pháp luật quốc tế;

5) Ngoài ra, khoản 4 Điều 8 Bộ luật hình sự cũng quy định một trường hợp loại trừ tính chất tội phạm của hành vi với nội dung - *“Những hành vi tuy có dấu hiệu của tội phạm, nhưng tính chất nguy hiểm cho xã hội không đáng kể, thì không phải là tội phạm và được xử lý bằng các biện pháp khác”*. Tuy nhiên, trong nội dung khoản 4 này chưa nói rõ phạm vi của việc xử lý bằng các biện pháp khác, đây là ranh giới để phân biệt vi phạm hành chính và tội phạm, vì vậy cần ghi nhận rõ và dứt khoát các biện pháp xử lý là hành chính hoặc kỷ luật khác. Mặt khác, không phải mọi quan hệ xã hội đều có thể là khách thể của vi phạm hành chính, mà chỉ những quan hệ xã hội nào được pháp luật hành chính bảo vệ bằng các biện pháp trách nhiệm hành chính. Những quan hệ xã hội nào không được luật hành chính bảo vệ thì không trở thành khách thể của vi phạm hành chính mà có thể là khách thể của tội phạm hoặc vi phạm pháp luật khác tương ứng. Hơn nữa, dấu hiệu định tội *“đã bị xử lý hành chính”* hay *“đã bị xử lý kỷ luật”* trong nhiều cấu thành tội phạm của Phần các tội phạm Bộ luật hình sự là căn cứ để xử lý hình sự trong trường hợp một người tiếp tục tái phạm hành vi của mình (lần thứ hai).

Tóm lại, Điều 8 Bộ luật hình sự về *“Khái niệm tội phạm”* sẽ được sửa đổi, bổ sung như sau (*những chữ in nghiêng, gạch chân là kiến nghị của chúng tôi*):

“Điều 8. Khái niệm tội phạm và phân loại tội phạm

1. *Tội phạm là hành vi nguy hiểm cho xã hội được quy định trong Bộ luật hình sự, do người đủ tuổi chịu trách nhiệm hình sự và có năng lực trách nhiệm hình sự thực hiện một*

cách cố ý hoặc vô ý, xâm phạm độc lập, chủ quyền, thống nhất, toàn vẹn lãnh thổ Tổ quốc, xâm phạm chế độ chính trị, chế độ kinh tế, nền văn hóa, quốc phòng, an ninh, trật tự, an toàn xã hội, quyền, lợi ích hợp pháp của tổ chức, xâm phạm tính mạng, sức khỏe, danh dự, nhân phẩm, tự do, tài sản, các quyền, lợi ích hợp pháp khác của công dân, xâm phạm những lĩnh vực khác của trật tự pháp luật xã hội chủ nghĩa, cũng như hòa bình và an ninh của nhân loại.

2. *Căn cứ vào tính chất, mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội và mức cao nhất của khung hình phạt đối với tội phạm được quy định trong Bộ luật này, tội phạm được phân thành tội phạm ít nghiêm trọng, tội phạm nghiêm trọng, tội phạm rất nghiêm trọng và tội phạm đặc biệt nghiêm trọng.*

3. *Tội phạm ít nghiêm trọng là tội phạm gây nguy hại không lớn cho xã hội mà mức cao nhất của khung hình phạt đối với tội ấy là đến ba năm tù; tội phạm nghiêm trọng là tội phạm gây nguy hại lớn cho xã hội mà mức cao nhất của khung hình phạt đối với tội ấy là đến bảy năm tù; tội phạm rất nghiêm trọng là tội phạm gây nguy hại rất lớn cho xã hội mà mức cao nhất của khung hình phạt đối với tội ấy là đến mười lăm năm tù; tội phạm đặc biệt nghiêm trọng là tội phạm gây nguy hại đặc biệt lớn cho xã hội mà mức cao nhất của khung hình phạt đối với tội ấy là trên mười lăm năm tù, tù chung thân hoặc tử hình.*

4. *Những hành vi tuy có dấu hiệu của tội phạm, nhưng tính chất nguy hiểm cho xã hội không đáng kể, thì không phải là tội phạm và được xử lý bằng các biện pháp hành chính hoặc kỷ luật khác”.*

Tài liệu tham khảo

- [1] Giáo trình Lý luận chung về Nhà nước và pháp luật, NXB Đại học Quốc gia Hà Nội, 2001.
- [2] X.X.A-léch-xây-ép, *Pháp luật trong cuộc sống của chúng ta* (Người dịch: Đồng Ánh Quang, người hiệu đính: Nguyễn Đình Lộc), NXB Pháp lý, Hà Nội, 1986.

- [3] *Cưỡng chế hành chính Nhà nước*, Học viện Hành chính Quốc gia, Hà Nội, 1996.
- [4] Edwin Sutherland and Donald Cressey, *Các vấn đề chung của Tội phạm học*, Philadelphia, Hoa Kỳ, 1960.
- [5] Nguyễn Ngọc Hòa, *Tội phạm và cấu thành tội phạm*, NXB Công an Nhân dân, Hà Nội, 2005.
- [6] Nguyễn Mai Bộ, *Các tội xâm phạm nghĩa vụ, trách nhiệm của quân nhân, Tập I - Khái niệm các tội xâm phạm nghĩa vụ, trách nhiệm của quân nhân*, NXB Tư pháp, Hà Nội, 2006.
- [7] Trịnh Tiến Việt, *Những kiến nghị sửa đổi, bổ sung các quy định của Phần chung Bộ luật hình sự trước yêu cầu mới của đất nước (Kỳ I)*, Thông tin Khoa học pháp lý, Bộ Tư pháp, số 1/2012.
- [8] Lê Văn Cẩm, *Sách chuyên khảo Sau đại học: Những vấn đề cơ bản trong khoa học luật hình sự (Phần chung)*, NXB Đại học Quốc gia Hà Nội, 2005.

Common points between administrative violations and crimes and the completion of concept of crime in the Penal Code of Vietnam

Trinh Tien Viet, Tran Thu Hanh

VNU School of Law, 144 Xuan Thuy, Hanoi, Vietnam

The paper analys common points between administrative violations and crimes, pointing out some shortcomings in the concept of crime in Penal Code, and then give the sollutions to complete the crime definition in Penal Code of Vietnam, ensuring the boundaries between administrative violations and crimes.